



# 炙下去 和牛燒肉放題

## 新潮燒吧

Self-service bar  
セルフバー  
셀프 바  
บริการตัวเอง  
Quầy tự phục vụ

## 上選牛胸腹牛排

All-you-can-eat prime beef brisket steak  
食べ放題の上選牛バラ肉ステーキ  
무제한 최상급 소 가슴살 스테이크  
เนื้อพรีเมียมวัวพรีเมียม อาหารบุฟเฟ่ต์  
Bò Bắp Vai Nạc Chất Lượng Cao Ăn Thả Ga

## 特上美國和牛牛排

All-you-can-eat premium American Wagyu beef steak  
食べ放題の特上アメリカ和牛ステーキ  
무제한 프리미엄 미국 와규 스테이크  
เนื้อดีเยี่ยมวัวพรีเมียม อาหารบุฟเฟ่ต์  
Bò Bắp Vai Nạc Wagyu Hoa Kỳ Cao Cấp Ăn Thả Ga

## 極上雙和牛牛排

All-you-can-eat premium double Wagyu beef steak  
食べ放題の極上のダブル和牛ステーキ  
무제한 프리미엄 더블 와규 스테이크  
เนื้อดีเยี่ยมวัวคุณภาพสูงสุด อาหารบุฟเฟ่ต์  
Bò Bắp Vai Nạc Wagyu Đôi Cao Cấp Ăn Thả Ga

午餐 Lunch	598 NT.	798 NT.	998 NT.	1298 NT.
晚餐 Dinner	698 NT.	898 NT.	1098 NT.	1398 NT.
週六日 Weekends & 例假日 Public Holidays	698 NT.	898 NT.	1098 NT.	1398 NT.
兒童 Children	50% OFF 小一至小六			
幼童 Children	300 4-6歲			
小童 Children	Free 0-3歲			

### ◎ 吃到飽不可外帶

All-you-can-eat, no takeout  
食べ放題で持ち帰り不可  
무제한으로 포장 불가능  
อาหารบุฟเฟ่ต์ ห้ามหยิบกลับบ้าน  
Tất cả đều có thể ăn, không mang đi

### ◎ 歡迎自帶飲料、酒類、免收開瓶費

Welcome to bring your own drinks and alcohol, no corkage fee.  
お持ち込みの飲み物やお酒は歓迎です。開栓料は無料です。  
음료와 주류를 가져오셔도 좋습니다. 따개비 수수료는 면제됩니다.  
ยินดีต้อนรับให้นำเครื่องดื่มและเหล้ามาเอง ไม่มีค่าเปิดขวด  
Chào mừng bạn tự mang đồ uống và rượu, không thu phí mở chai.

### ◎ 須同桌同消費方式，10%清潔費另計

Same table, same consumption required; 10% service charge applies.  
同一テーブルで同じ消費方法が必要です。10%の清掃料金が別途かかります。  
동일한 테이블에서 동일한 소비 방식이 필요합니다. 10% 서비스 요금이 별도로 부과됩니다.  
จำเป็นต้องมีการบริโภคเดียวกันในโต๊ะเดียวกัน ค่าบริการ 10% จะคิดเพิ่มเติม  
Bắt buộc phải có cách tiêu thụ giống nhau trên cùng một bàn; Phí dọn dẹp 10% sẽ được tính riêng

### ◎ 基於食安考量，請以夾子烤肉，筷子吃肉

For food safety reasons, please grill meat with tongs and eat with chopsticks.  
食品安全の観点から、トングで肉を焼き、箸で食べてください。  
식품 안전을 고려하여 집게로 고기를 구워주세요. 그리고 젓가락으로 고기를 먹어주세요.  
เพื่อความปลอดภัยของอาหาร โปรดปิ้งเนื้อด้วยทongsและทานด้วยตะเกียบ  
Vì lý do an toàn thực phẩm, vui lòng nướng thịt bằng đồ kẹp và ăn bằng đũa.

### ◎ 限2人開爐，1成人開爐酌加收開爐費300元

Only 2 persons allowed per grill; an additional fee of 300 NT dollars will be charged for each additional adult using the grill.  
1つのグリルにつき2人まで。  
追加の大人がグリルを使用する場合は、追加料金として300台湾ドルがかかります。  
한 번에 두 명까지만 그릴을 사용할 수 있습니다.  
그릴을 추가로 사용하는 성인 1명당 300 대만 달러의 추가 요금이 부과됩니다。  
อนุญาตให้ใช้กริลล์ได้สูงสุด 2 คนต่อรอบ ค่าเปิดกริลล์เพิ่มเติม 300 บาทสำหรับผู้ใหญ่ 1 คนต่อการใช้งาน  
Chỉ được phép 2 người mỗi lần mở lò nướng; mỗi người lớn sử dụng lò nướng bổ sung sẽ được tính thêm 300 đồng.

### ◎ 浪費食物超過100g，每人加收300元食材費

For food wastage exceeding 100g, an additional charge of 300 NT dollars per person will be applied for ingredient costs.  
100グラムを超える食品の廃棄について、1人あたり300台湾ドルの食材費が追加されます。  
100g 이상의 음식 낭비에 대해 개인당 300 대만 달러의 식자재비가 추가됩니다.  
หากสูญเสียอาหารเกิน 100 กรัม จะเรียกเก็บค่าวัตถุดิบเพิ่มเติม 300 บาทต่อคน  
Đối với việc lãng phí thực phẩm vượt quá 100g, sẽ tính thêm 300 đồng tiền nguyên liệu cho mỗi người.

### ◎ 用餐時間2小時，以訂位時間或第一人進場時間，擇先計算

Dining time is limited to 2 hours, starting from the reservation time or the arrival time of the first guest, whichever comes first.  
食事時間は2時間以内です。予約時間または最初のお客様の入店時間から計算されます。  
식사 시간은 2시간으로 제한되며, 예약 시간 또는 첫 번째 손님 입장 시간부터 계산됩니다.  
เวลาที่ใช้ในการรับประทานอาหาร 2 ชั่วโมง เริ่มนับจากเวลาจองหรือเวลาเข้าร้านของลูกค้าคนแรก ให้ใช้เวลาที่เกิดขึ้นก่อน  
Thời gian dùng bữa giới hạn là 2 giờ, bắt đầu từ thời gian đặt bàn hoặc thời gian khách hàng đầu tiên đến, tùy theo thời gian nào đến trước.

### ◎ 每人每超過半小時內，加收100元超時費，以此類推，亦無法再加點

An additional charge of 100 NT dollars will be applied for every half-hour exceeded per person.  
Subsequent fees will be applied accordingly, and no further orders will be accepted.  
1人あたり30分を超えるごとに追加料金として100台湾ドルがかかります。  
これにより以降も同様の料金がかかり、追加の注文は受け付けられません。  
개인당 30분을 초과할 때마다 추가 요금 100 대만 달러가 부과됩니다.  
이후에도 동일한 요금이 부과되며 추가 주문은 더 이상 받지 않습니다.  
คิดเพิ่มเติมในอัตรา 100 บาทสำหรับทุกครึ่งชั่วโมงที่เกิน นอกจากนี้จะไม่สามารถสั่งอาหารเพิ่มเติมได้อีก  
Mỗi người mỗi phần vượt quá mỗi nửa giờ sẽ bị tính phí quá giờ 100 đồng.  
Các khoản phí sau đó sẽ được áp dụng tương ứng, và không thể đặt thêm món.

### ◎ 平日遇政府機關公告之國定假日、彈性放假日與勞工放假日，皆以假日價格計費

On weekdays coinciding with government-announced national holidays, flexible holidays, and labor holidays, holiday rates will be applied.  
政府機関による国民の祝日、柔軟な休暇、労働者の休暇が発表された平日には、休日料金が適用されます。  
정부 기관이 발표한 국가 공휴일, 유연한 휴일 및 노동자 휴가일이 있는 평일에는 휴일 요금이 적용됩니다.  
ในวันธรรมดาที่ตรงกับวันหยุดประจำชาติที่ประกาศโดยหน่วยงานรัฐบาล วันหยุดอย่างยืดหยุ่นและวันหยุดแรงงาน จะเรียกเก็บค่าบริการในวันหยุด  
Trong những ngày trong tuần trùng với các ngày nghỉ lễ quốc gia được thông báo bởi cơ quan chính phủ, các ngày nghỉ linh hoạt và ngày nghỉ của lao động, sẽ áp dụng giá ngày lễ.

圖片及文字僅供參考，食材有異動時，將以等值商品替代，產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨供應為準，恕不另行通知。

The images and text are for reference only. In the event of ingredient changes, equivalent items will be substituted. Origin, type, grade, price, etc., are subject to the daily stock availability at the store, without prior notice.



# 上選牛胸腹牛排放題

午餐798/晚餐、周六日、例假日898無限供應

All-you-can-eat prime beef brisket steak  
 食べ放題の上選牛バラ肉ステーキ  
 무제한 최상급 소 가슴살 스테이크  
 เนื้อซี่โครงระดับพรีเมียม อาหารบุฟเฟ่  
 Bò Bắp Vai Nạc Chất Lượng Cao Ăn Thả Ga

## 厚切牛排

Thick-cut steak • 厚切り牛ステーキ • 두껍게 썬 스테이크 • สดักหนา • Bò-bit-tết cắt dày



**冷藏熟成上選牛胸腹牛排**  
 (美國/Q彈/5分熟)  
 原味  
 US Beef Brisket Steak  
 チョイスビーフブリスケット  
 미국산 초이스 등급 안심겹  
 เนื้อวัวสุกในตู้เย็น  
 Bit-tết ức bụng bò Hoa Kỳ

## 冷藏熟成牛

Refrigerated aged beef • 冷藏熟成牛肉 • 냉장 숙성 소고기 • เนื้อวัวสุกในตู้เย็น • Bò chín trong tủ lạnh



**上選骨付牛小排**  
 (美國/軟嫩/全熟)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 US Bone-in Beef Short Rib  
 アメリカ産骨付きカルビ  
 미국산 뼈있는 소갈비살  
 เนื้อวัวสุกในตู้เย็น  
 Combo sườn non bò rút xương thượng hạng



**上選CAB安格斯黑牛**  
 (美國/嚼勁/5分熟)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 US Angus Beef  
 アンガスビーフ  
 앵거스 비프  
 แฉกเนื้อ CAB จากอเมริกา  
 Bò đen Angus CAB Hoa Kỳ



**上選CAB安格斯黑牛骰子**  
 (美國/Q彈/5分熟)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 US Choice Diced Beef  
 อเมริกา産Choiceサイコロステーキ  
 미국산 초이스비프 육살(주사위크)  
 แฉกเนื้อ CAB เนื้อสุกในตู้เย็น  
 Viên bò đen Angus CAB Angus chọn lọc

## 安心豚

Safe pork • 安心豚 • 안심 돼지고기 • หมูปลอดภัย • Lợn an toàn



**上選本地安心豚梅花**  
 (台灣/軟嫩/須熟食)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 Pork Shoulder Butt  
 豚肩ロース  
 돼지 목살  
 สันคอหมู  
 Thịt nạc vai heo



**上選本地安心豚五花**  
 (台灣/軟嫩/須熟食)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 Pork Belly  
 豚皮五花肉  
 삼겹살  
 หมูสามชั้น  
 Thịt ba chỉ heo

## 小羔羊

Young lamb • 子羊 • 어린 양고기 • ลูกแกะ • Cừu non



**上選鮮嫩小羔羊**  
 (紐澳/軟嫩/重組須熟食)  
 原味・孜然・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 NZ and AU Lamb Shoulder  
 ニュージーランドとオーストラリア産ラム肩  
 뉴질랜드 및 호주, 새끼양 육살  
 สันนอกแกะ: เนื้อซี่โครงเขี้ยวชิ้นแบนและออกสเตอริล  
 Vai cừu non New Zealand và Úc

## 烤海鮮

Grilled seafood • 焼き海鮮 • 구운 해산물 • ทะเลปิ้ง • Hải sản nướng



**上選鮮甜海蝦**  
 White shrimp  
 白エビ  
 자연산 대하  
 กุ้งขาวจีน  
 Tôm biển hoang dã



**上選挪威鯖魚**  
 Norwegian Mackerel  
 ノルウェーサバ  
 노르웨이 고등어  
 กุ้งขาวจีน  
 ปลาจะระมะนางรม สดพรีเมียม



**上選深海透抽**  
 Squid  
 イカ  
 오징어  
 ปลาหมึกกัมพูชาสด  
 Mực ống



## 厚切牛排

Thick-cut steak • 厚切り牛ステーキ • 두껍게 썬 스테이크 • สดัดกหนา • Bò-bit-tết cắt dày



**冷藏熟成特上兒島和牛嫩肩牛排**  
 (美國/嚼勁/3分熟)  
 原味  
 US Wagyu Sirloin Steak  
 アメリカ産和牛サーロインステーキ  
 미국산 조이스 특상 우살집  
 เนื้อวัวชั้นดี จากอเมริกา  
 Thịt thăn lưng vai non Wagyu Jigamijima thượng hạng bò-bit-tết



**冷藏熟成上選牛胸腹牛排**  
 (美國/Q彈/5分熟)  
 原味  
 US Beef Brisket Steak  
 Чоюйсбее-фрискетт  
 미국산 조이스 특상 우살집  
 เนื้อวัวชั้นดี จากอเมริกา  
 Bit-tết ức bụng bò Hoa Kỳ

## 冷藏熟成牛

Refrigerated aged beef • 冷藏熟成牛肉 • 냉장 숙성 소고기 • เนื้อวัวสุกในตู้เย็น • Bò chín trong tủ lạnh



**特上安格斯黑牛霜降**  
 (美國/嚼勁/5分熟)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 US Prime Chuck Eye Roll  
 アメリカ産Primeシロロースロール  
 미국산 프라임 특상 우살집  
 เนื้อสันคอแลดเนื้อวัวเกรดพรีเมียม อเมริกา  
 Thịt vân mỡ bò đen Angus tuyết với



**特上鮮嫩牛肋**  
 (美國/嚼勁/全熟)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 US Beef Ribs  
 アメリカ産カルビ  
 미국산 소갈비  
 เนื้อวัวชั้นดี จากอเมริกา  
 Sườn bò non tươi



**特上鮮嫩菲力**  
 (巴拉圭/軟嫩/5分熟)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 Paraguayan Tender Filet Mignon  
 파라과이 tenderfilet  
 파라과이산 안심살  
 สดัดเนื้อชั้นดี จากอเมริกา  
 Thịt thăn non tươi cao cấp



**上選骨付牛小排**  
 (美國/軟嫩/全熟)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 US Bone-in Beef Short Rib  
 アメリカ産骨付きカルビ  
 미국산 뼈있는 소갈비살  
 สดัดเนื้อชั้นดี จากอเมริกา  
 Combo sườn non bò rút xương thượng hạng



**上選CAB安格斯黑牛**  
 (美國/嚼勁/5分熟)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 US Angus Beef  
 アンガスビーフ  
 แองกัส บีฟ  
 เนื้อดีเกรดดี CAB จากอเมริกา  
 Bò đen Angus CAB Hoa Kỳ



**上選CAB安格斯黑牛骰子**  
 (美國/Q彈/5分熟)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 US Choice Diced Beef  
 アメリカ産Choiceサイコロステーキ  
 미국산 초이스비프 육상(주사위컷)  
 เนื้อดีเกรดดีเนื้อชิ้นพอดีเคี้ยว เกรดChoice อเมริกา  
 Viên bò đen Angus CAB Angus chọn lọc

## 安心豚

Safe pork • 安心豚 • 안심 돼지고기 • หมูปลอดภัย • Lợn an toàn



**特A級雪紋豚松坂**  
 (丹麥/西班牙/荷蘭/加拿大/Q彈/須熟食)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 A-Grade Matsusaka Pork  
 Aグレード霜降り豚肉  
 A급 송정살  
 สันคอหมูเกรด A  
 Thịt heo Matsusaka hạng A



**特上本地安心豚戰斧**  
 (台灣/Q彈/須熟食)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 Tomahawk Pork Ribs  
 骨付きポークチョップ  
 돼지고기 갈비  
 พริกซี่โครงกระดูกหมู  
 Combo thịt heo Tomahawk Đảo Ngọc



**上選本地安心豚梅花**  
 (台灣/軟嫩/須熟食)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 Pork Shoulder Butt  
 豚肩ロース  
 돼지고기 목살  
 สันคอหมู  
 Thịt nạc vai heo



**上選本地安心豚五花**  
 (台灣/軟嫩/須熟食)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 Pork Belly  
 豚ばら肉  
 돼지고기  
 หมูชั้นใน  
 Thịt ba chỉ heo

## 小羔羊

Young lamb • 子羊 • 어린 양고기 • ลูกแกะ • Cừu non



**上選鮮嫩小羔羊**  
 (紐澳/軟嫩/重組須熟食)  
 原味・孜然・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 NZ and AU Lamb Shoulder  
 ニュージーランドヒーストトラリア産ラム肩  
 뉴질랜드 및 호주, 아티양 목살  
 สันเนื้อแกะดีเกรดจากนิวซีแลนด์และออสเตรเลีย  
 Vai cừu non New Zealand và Úc

## 烤海鮮

Grilled seafood • 焼き海鮮 • 구운 해산물 • ทะเลญ่พริก • Hải sản nướng



**特上九孔鮑魚**  
 Abalone  
 アワビ  
 아보이  
 หมูแปะหื้อ  
 Bào ngư chín lỗ



**特上鮮甜草蝦**  
 Giant Grass Shrimp  
 大海老  
 홍새우  
 หอยถั่ว  
 Tôm sú hoang dã



**特上鮮嫩鮭魚菲力**  
 Norwegian Salmon  
 ノルウェーサーモン  
 노르웨이 연어  
 ปลาแซลมอนเกรด 1  
 Cá hồi Na Ly



**上選鮮甜海蝦**  
 White shrimp  
 白エビ  
 자외산 대하  
 กุ้งขาว  
 Tôm biển hoang dã



**上選挪威鯖魚**  
 Norwegian Mackerel  
 ノルウェーサバ  
 노르웨이 고등어  
 กุ้งขาว  
 ปลากระเบนทะเลขาว สดพิ่มเนื้อ



**上選深海透抽**  
 Squid  
 イカ  
 오징어  
 ปลาหมึกทะเลหมื่นสัด  
 Mực ống



## 厚切牛排

Thick-cut steak • 厚切り牛ステーキ • 두껍게 썬 스테이크 • สเต็กหนา • Bò-bit-tết cắt dày



**冷藏熟成冠軍黑毛和牛嫩肩沙朗牛排**  
 (澳洲/Q彈/3分熟)  
 原味  
 AU M8-Q+ Wagyu Steak  
 オーストラリア産M8-Q+和牛  
 호주산 M8-Q+ 울스테이크 육수 육구  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม M8-Q+ ออسترเรีย  
 Bò Wagyu lông đen Úc M8-Q+thun chung



**冷藏熟成特上見島和牛嫩肩牛排**  
 (美國/嚼勁/3分熟)  
 原味  
 US Wagyu Sirloin Steak  
 アメリカ産和牛サーロインステーキ  
 미국산 와규 스테이크  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม  
 Thịt thăn lưng vai non Wagyu Jigajima thượng hạng



**冷藏熟成上選牛胸腹牛排**  
 (美國/Q彈/5分熟)  
 原味  
 US Beef Brisket Steak  
 チョイスビーフブリスケット  
 미국산 초이스 등급 육삼겹  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม  
 Bít-tết ức bụng bò Hoa Kỳ

## 冷藏熟成牛

Refrigerated aged beef • 冷藏熟成牛肉 • 냉장 숙성 소고기 • เนื้อวัวสุกในตู้เย็น • Bò chín trong tủ lạnh



**極上冠軍黑毛和牛**  
 (澳洲/軟嫩/3分熟)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 AU M8-Q+ Wagyu  
 オーストラリア産M8-Q+和牛  
 호주산 M8-Q+ 울스테이크 육수 육구  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม M8-Q+ ออسترเรีย  
 Bò Wagyu lông đen Úc M8-Q+thun chung



**極上黑毛和牛橫隔膜**  
 (澳洲/Q彈/須熟食)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 AU Wagyu Diaphragm  
 オーストラリア産和牛ハラミ  
 호주산 와규 안창살  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม  
 Cò hoành bò Wagyu thượng hạng



**極上薄切牛舌**  
 (紐澳/Q彈/須熟食)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 NZ and AU Thinly Sliced Beef Tongue  
 ニュージーランド・オーストラリア産牛舌薄切り  
 뉴질랜드/호주산 얇게 썬 우심갈  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม  
 Lưỡi bò thái mỏng đặc biệt (New Zealand và Úc)



**特上安格斯黑牛霜降**  
 (美國/嚼勁/5分熟)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 US Prime Chuck Eye Roll  
 アメリカ産Primeチョールステーキロッド  
 미국산 프리미엄 육심갈  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม  
 Thịt vân mỡ bò đen Angus tuyệt vời



**特上鮮嫩牛肋**  
 (美國/嚼勁/全熟)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 US Beef Ribs  
 アメリカ産カルビ  
 미국산 소갈비  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม  
 Sườn bò non tươi



**特上鮮嫩菲力**  
 (巴拉圭/軟嫩/5分熟)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 Paraguayan Tender Filet Mignon  
 Парагвай産ヒレ肉  
 파라과이산 안심살  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม  
 Thịt thăn non tươi cao cấp



**上選骨付牛小排**  
 (美國/軟嫩/全熟)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 US Bone-in Beef Short Rib  
 アメリカ産骨付カルビ  
 미국산 뼈있는 소갈비살  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม  
 Combo sườn non bò rút xương thượng hạng



**上選CAB安格斯黑牛**  
 (美國/嚼勁/5分熟)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 US Angus Beef  
 アンガスビーフ  
 알갱이 비프  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม  
 Bò đen Angus CAB Hoa Kỳ



**上選CAB安格斯黑牛骰子**  
 (美國/Q彈/5分熟)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 US Choice Diced Beef  
 アメリカ産Choiceサイコロステーキ  
 미국산 초이스비프 육삼(주사위컷)  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม  
 Viên bò đen Angus CAB Angus chọn lọc

## 安心豚

Safe pork • 安心豚 • 안심 돼지고기 • หมูปลอดภัย • Lợn an toàn



**極上Bellota伊比利豚梅花**  
 (西班牙/軟嫩/須熟食)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 Spanish Iberico Pork Belly  
 イベリコ豚の肩ロース  
 스페인 이베리코 돼지 육살  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม  
 Thịt nạc vai heo Iberico Tây Ban Nha



**極上伊比利豬肋條**  
 (西班牙/嚼勁/須熟食)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 Spanish Iberico Pork Ribs  
 イベリ코뼈-크립  
 이베리코 돼지 갈비  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม  
 Sườn heo Iberico Tây Ban Nha



**特A級雪紋豚松坂**  
 (丹麥/西班牙/荷蘭/加拿大/Q彈/須熟食)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 A-Grade Matsusaka Pork  
 A급 양심갈  
 양심양심갈비 A  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม  
 Thịt heo Matsusaka hạng A



**特上本地安心豚戰斧**  
 (台灣/Q彈/須熟食)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 Tomahawk Pork Ribs  
 骨付きホークチョップ  
 호미호미 양심  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม  
 Combo thịt heo Tomahawk Đảo Ngọc



**上選本地安心豚梅花**  
 (台灣/軟嫩/須熟食)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 Pork Shoulder Butt  
 豚肩ロース  
 돼지 육살  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม  
 Thịt nạc vai heo



**上選本地安心豚五花**  
 (台灣/軟嫩/須熟食)  
 原味・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 Pork Belly  
 豚ばら肉  
 양심살  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม  
 Thịt bả chi heo

## 小羔羊

Young lamb • 子羊 • 어린 양고기 • ลูกแกะ • Cừu non



**極上法式羊戰斧**  
 (紐澳/軟嫩/須熟食)  
 原味・孜然・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 NZ and AU Lamb Chop  
 ニュージーランド・オーストラリア産ラムショルダーチョップ  
 뉴질랜드/호주 양고기  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม  
 Thịt cừu Tomahawk kiểu Pháp thượng hạng



**上選鮮嫩小羔羊**  
 (紐澳/軟嫩/重組須熟食)  
 原味・孜然・味噌醬・蘋果燒肉醬  
 NZ and AU Lamb Shoulder  
 ニュージーランドとオーストラリア産ラム肩  
 뉴질랜드 및 호주 새끼양 육살  
 เนื้อนุ่มเนื้ออร่อย ไขมันสูงเนื้อนุ่ม  
 Vai cừu non New Zealand và Úc

## 烤海鮮

Grilled seafood • 焼き海鮮 • 구운 해산물 • ทะเลพริก • Hải sản nướng



**極上阿根廷天使紅蝦**  
 Abalone  
 아바리  
 아바리  
 Bào ngư chín lỗ



**極上北海道生食級大干貝**  
 Hokkaido scallops  
 北海道の水戸子貝  
 홋카이도 생식급 대굴피  
 北海道産 生食用大干貝  
 Sò điệp ăn sống Hokkaido



**特上九孔鮑魚**  
 Abalone  
 아바리  
 아바리  
 Bào ngư chín lỗ



**特上鮮甜草蝦**  
 Giant Grass Shrimp  
 大高老  
 새끼수  
 팟뚜까  
 Tôm sú hoang dã



**特上鮮嫩鮭魚菲力**  
 Norwegian Salmon  
 노르웨이サーモン  
 노르웨이 연어  
 ปลาแซลมอนแซลมอน  
 Cá hồi Na Uy



**上選鮮甜海蝦**  
 White shrimp  
 화이트  
 자외선 김하  
 กุ้งขาวจีน  
 Tôm biển hoang dã



**上選挪威鯖魚**  
 Norwegian Mackerel  
 노르웨이鯖  
 노르웨이 고등어  
 ปลาแซลมอนแซลมอน  
 สัตว์ประหลาด



**上選深海透抽**  
 Squid  
 이끼  
 오징어  
 ปลาหมึกทะเลหมึกสด  
 Mực ống





**極上安格斯牛黑咖哩**

Angus beef curry  
アンガスビーフカレー  
앵거스 쇠고기 카레  
แอกะพรหมเนื้อวัวแองกัส  
Cà ri bò Angus đen



**韓式泡菜豆腐鍋**

Korean Kimchi Tofu Stew  
韓國のキムチ豆腐鍋  
한국식 김치 두부찌개  
จืดกะหล่ำดอกเห็ดซิมของ  
Lẩu đậu phụ kim chi kiểu Hàn



**韓式泡菜海鮮豆腐鍋**

Korean Kimchi Seafood Tofu Stew  
韓國의 김치시어푸드豆腐鍋  
한국식 김치 해물 두부찌개  
จืดกะหล่ำดอกเห็ดซิมของ  
Lẩu đậu phụ hải sản kim chi kiểu Hàn



**日式一番鮮味蛤蜊湯**

Clam Soup  
アサリスープ  
일본식 바다전복 국  
ต้มจืดกะหล่ำดอกเห็ดซิมของ  
Súp nghêu vị Ichiban kiểu Nhật



**黑松露和牛石鍋飯**

Black Truffle Wagyu Stone Pot Rice  
黒トリュフ和牛ストーンポットライス  
블랙 트러플 와규 돌솥밥  
ข้าวป่าวากิวเห็ดทรัฟเฟิลสีดำ  
Cơm niêu nấm cục đen bò Wagyu



**火烤冰淇淋**

Ice Cream Toast  
火焼きアイスクリーム  
불 구운 아이스크림  
ไอศกรีมอบไฟ  
Kem nướng



**香濃起司乳酪酥**

Fragrant Cheese Crisp  
香ばしいチーズクリスピー  
향기로운 치즈 크리스프  
ขนมพิซซ่ากรอบนุ่ม  
Phô mai nướng giòn



**手工巧克力布朗尼**

Chocolate Brownie  
리치ョコレートブラウニー  
초콜릿 브라우니  
บราวนี่ช็อกโกแลตแสนนุ่ม  
Bánh Brownie sô-cô-la